



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 12/2025

(18/03/2025 – 24/03/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Tóm tắt tình hình địa chính trị tuần qua: khu vực Biển Đỏ và dải Gaza tiếp tục gia tăng căng thẳng, Nga và Ukraine vẫn chưa đạt được thỏa thuận ngừng bắn trên diện rộng, Mỹ tiếp tục công bố sắc lệnh áp thuế bổ sung 25% đối với hàng hóa xuất khẩu vào Mỹ từ các quốc gia mua dầu khí của Venezuela (bất kể trực tiếp hoặc thông qua bên thứ ba) (Trung Quốc đang là khách hàng lớn nhất của Venezuela) và quyết định này có thể đẩy mạnh nhu cầu mua dầu khí từ Nga thay thế... Nhìn chung, diễn biến phức tạp của các yếu tố địa chính trị khắp nơi khiến ngành vận tải biển lúc này phải hết sức tinh táo và thận trọng để linh hoạt ứng phó. Việc thiếu tính ổn định sẽ làm gia tăng chi phí vận hành tàu và gián đoạn các tuyến đường thương mại hàng hải.

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI không thay đổi nhiều so với tuần trước và hiện ghi nhận mức 1.652 điểm. Thị trường thuê tàu tuần qua nhìn chung biến động tương đối nhẹ nhàng như sau: hai phân khúc tàu lớn là Capesize giảm nhẹ 78 điểm hiện ở mức 2.690 điểm và Panamax giảm nhẹ 14 điểm hiện ở mức 1.389 điểm. Nguyên nhân là do tâm lý thị trường kém lạc quan và giá quặng cũng đang giảm. Mặt khác, chỉ số Supramax tăng 59 điểm (↑6%, hiện ở mức 1.013 điểm - cao nhất trong vòng 4 tháng qua kể từ 11/2024) và Handysize tăng 26 điểm (↑4,5%, hiện ở mức 599 điểm). Thị trường mua bán tàu tuần qua vô cùng sôi động với gần 20 giao dịch mua bán thành công và giá tàu cũng đang có xu hướng nhích nhẹ. Ở phân khúc Supramax, tàu **SFL Yukon** (56.836 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, DD/SS 12/2025) được ghi nhận bán giá khoảng 10,4 triệu đô la Mỹ. Có thể nói giá này đang mềm nhất thị trường do chủ tàu SFL thiện chí bán. Tàu tương tự **CS Sonoma** (56.704 dwt, đóng 2010 xưởng liên doanh Trung Quốc-Nhật NACKS, đã lắp hệ thống lọc khí (scrubber), vừa qua đà SS, hạn đà tiếp theo DD 12/2026, SS 02/2030) được chủ tàu Na Uy chốt với giá khoảng 11,3 triệu đô la Mỹ. Đối với tàu Supramax già, tuần qua ghi nhận thêm một vài một tham chiếu. Đơn cử tàu **Moondance II** (55.566 dwt, đóng 2005 Trung Quốc) được chủ tàu Hy Lạp bán với giá khoảng 8,2 triệu đô la Mỹ - giá này khá mềm do cận hạn đà (DD/SS 03/2025). Đã lâu rồi không ghi nhận tàu 55k dwt xung quanh 20 tuổi đóng Trung Quốc bán nên đây sẽ là cơ sở tham chiếu cho các tàu tương tự. Một tàu đóng Nhật khác là **Lowlands Opal** (55.381 dwt, đóng 2007 Nhật, DD/SS 09/2025) vừa về tay Người mua Trung Quốc với giá khoảng 11,4 triệu đô la Mỹ - giá tàu này sẽ thiết lập mốc tham chiếu mới. Trước đó, tàu **Dubai Knight** (55.418 dwt, đóng 2007 Nhật, DD 04/2025, SS 03/2027) chỉ nhận đc chào mua xung quanh 10,5 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handysize, hiện nay giá tàu đã tăng trung bình hơn 5% so với tháng trước. Chủ tàu Nhật Mitsui vừa chốt tàu **Atlantic Brave** (33.407 dwt, đóng 2016 Nhật, hầm hàng hộp, DD/SS 08/2026) với giá khoảng 17,8 triệu đô la Mỹ - đây sẽ là mốc tham khảo cho dòng tàu 33k dwt đóng Nhật dưới 10 tuổi. Chủ tàu Taylor Maritime đang tích cực tận hưởng thị trường, tuần qua ghi nhận bán thành công 2 tàu là **Nimble Nicky** (31.887 dwt, đóng 2010 Nhật, chở gỗ được, DD/SS 09/2025) và tàu trẻ hơn **Handy Hedi** (33.735 dwt, đóng 2011 Nhật, hầm hàng hộp, vừa qua đà DD/SS) - giá chưa được tiết lộ. Sang dòng tàu 28k dwt, chủ tàu Singapore cũng vừa chốt thành công tàu **Queen Harmony** (28.425 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 03/2026) với giá khoảng 10,35 triệu đô la Mỹ. Được biết tình trạng tàu khá tốt và giá tàu **Queen Harmony** sẽ là mốc tham chiếu cho cỡ 28k dwt trong thời gian tới.

Nhìn chung các giao dịch Handysize gần đây tập trung chủ yếu ở các tàu đóng Nhật-Hàn Quốc, có vẻ như các chính sách bất thành linh của Mỹ khiến Người mua khá dè dặt đối với tàu đóng Trung Quốc.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tuần qua tăng 48 điểm (↑5%, hiện ở mức 994 điểm – chỉ số cao nhất sau 5 tháng kể từ tháng 29/10/2024) và chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng tăng 75 điểm (↑9,8%, hiện ở mức 840 điểm). Nguyên nhân là nước Mỹ ngày càng có nhiều biện pháp và chính sách mạnh tay để thắt chặt nguồn cung dầu – góp phần đẩy giá dầu tăng trong ngắn hạn. Theo đó, cước thuê tàu cũng được thúc đẩy bởi yếu tố địa chính trị. Tuy vậy, số lượng giao dịch tuần qua tương đối ít ỏi do giá tàu đang được điều chỉnh giảm trên diện rộng, hiện trung bình giá thấp hơn hẳn so với chỉ 1-2 tháng trước. Ở phân khúc MR, chủ tàu Nhật NYK bán tàu **Challenge Procyon** (45.996 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 11/2025) cho Người mua Hy Lạp với giá khoảng 19,8 triệu đô la Mỹ. Giá nay hơi mềm so với mức chủ tàu mong muốn ban đầu nhưng “thực tế hơn” so với hiện tại. Tàu chemical khác đóng Hàn Quốc là **UOG Constantine G** (49.999 dwt, đóng 2010) được bán với giá khoảng 21 triệu đô la Mỹ – khá rẻ do tàu cận hạn đà DD/SS 3/2025. Giá tàu tương tự bán cách đây một tháng là 22 triệu đô la Mỹ (đã giảm 5%) nhưng nếu so với giai đoạn cao điểm tháng 5-7/2024 thì giá tàu dạng này từng cán mức 27-29 triệu đô la Mỹ (đã giảm trung bình 25~28%). Mặt khác, tàu chemical trẻ **Eden** (498.999 dwt, đóng 2020 Hàn Quốc, lắp hệ thống lọc khí (scrubber), DD/SS 06/2025) vừa được chốt thành công với giá khoảng 40 triệu đô la Mỹ - khá hợp lý trong thời điểm hiện nay. Giá tàu **Eden** sẽ được xem là mặt bằng tham chiếu cho các tàu 50k dwt trẻ đóng Hàn Quốc tương tự. Tàu J19 duy nhất ghi nhận tuần qua là **Songa Winds** (19.954 dwt, đóng 2009 Nhật, DD 07/2027, SS 06/2029) về tay Người mua Trung Quốc với giá xung quanh 20,5 triệu đô la Mỹ. Nếu so với tàu chị em **Songa Breeze** (19.999 dwt, đóng 2009 Nhật, DD 01/2027, SS 02/2029) được cùng chủ tàu bán với giá khoảng 24,8 triệu đô la Mỹ tháng 12/2024 thì giá tàu **Songa Winds** đã giảm rất nhiều, trung bình gần 20%. Hai tàu này đều đã lắp hệ thống lọc khí (scrubber).

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<i>BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS</i>						
Arabella	2005	Japan	177,005	18.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 02/2026, SS 02/2028
Braverus	2009	Korea	170,913	22.00	Undisclosed	DD 12/2027, SS 12/2028
Pentalon	2010	China	87,328	10.90	Undisclosed	DD/SS due
Seajoy	2000	Japan	73,454	6.00	Undisclosed	DD 03/2027, SS 01/2029
Nautilus	2001	Japan	73,389	6.50	Undisclosed	M/E Sulzer, DD 04/2027, SS 05/2026
SFL Yukon	2010	China	56,836	10.40	Undisclosed	DD/SS 12/2025
CS Sonoma	2010	China	56,704	11.30	Undisclosed	Scrubber fitted, M/E MAN-B&W (made by STX Korea), DD 12/2026, SS freshly passed 01/2025, next SS 02/2030
Moondance II	2005	NACKS, China	55,566	8.20	Undisclosed	DD/SS due 03/2025
Lowlands Opal	2007	Japan	55,381	11.40	Chinese	Ice class 1C, DD/SS 09/2025
Jin Shun	2007	China	53,350	8.26	Chinese	DD due 06/2025, SS 03/2027
SSI Pride	2002	Japan	48,635	6.20	Undisclosed	DD due 08/2025, SS 01/2027
Warmia	2005	China	38,981	6.30	Undisclosed	Ice class 1C, DD/SS due 10/2025, Polish owners

Izanagi Harmony	2021	Japan	37,105	24.75	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 01/2026
Atlantic Brave	2016	Japan	33,407	17.80	Undisclosed	OHBS, DD/SS 08/2026
Handy Heidi	2011	Japan	33,735	Undisclosed	Undisclosed	GC, OHBS, DD 12/2027, SS 11/2029
Nimble Nicky	2010	Japan	31,887	Undisclosed	Undisclosed	Open hatch, log-fitted, DD/SS 09/2025
Queen Harmony	2011	Japan	28,425	10.35	Undisclosed	DD/SS 03/2026
TANKERS						
DHT Peony	2011	China	320,014	55.00	Chinese	DD/SS 04/2026
Maceo	2005	Korea	319,254	40.00	Chinese	DD/SS due 05/2025
New Naxos	2003	Japan	299,985	33.50	Undisclosed	DD/SS 01/2027
Seacross	2006	Korea	163,292	33.00	Undisclosed	Ice class 1B, DD/SS 01/2026
Eden	2020	Korea	49,999	40.00	Ditas Shipping	Scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy coated, DD/SS due 06/2025
UOG Constantine G	2010	Korea	49,999	21.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD/SS 03/2025
Challenge Procyon	2011	Japan	45,996	19.80	Greek, Velos Tankers	Chemical IMO II, epoxy coated, DD/SS 11/2025
Songa Winds	2009	Japan	19,954	20.50	Chinese	Scrubber fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD 07/2027, SS 06/2029
CONTAINERS						
Debussy	2009	Korea	51,687	32.00	Undisclosed	4255 teu, DD 03/2028, SS 09/2029
Irenes Rythm	2007	Korea	39,462	24.00	RCL	2824 teu, DD freshly passed 01/2025, next DD 10/2028, SS 01/2027
Atlantic Ibis	2008	China	27,130	17.00	Folk Maritime	Old sale, 2015 teu, ice strengthened, DD 01/2026, SS 03/2028
OTHERS						
Koho Maru No.21	2002	Japan	1,253	1.50	Indonesian	Old sale, LPG, 1805 cbm, DD 08/2025, SS 08/2027

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/2025	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	76.00	1%	1%	-1%	1%	59.75
180k dwt	5 tuổi	63.00	2%	2%	-1%	2%	43.75
170k dwt	10 tuổi	44.00	2%	2%	-1%	4%	30.75
150k dwt	15 tuổi	27.50	2%	4%	-5%	2%	19.50
PANAMAX							
82k dwt	Resale	38.00	-3%	-5%	-12%	-11%	36.75
82k dwt	5 tuổi	32.00	-3%	-7%	-16%	-12%	30.25
76k dwt	10 tuổi	24.00	-2%	-4%	-16%	-14%	21.00
74k dwt	15 tuổi	14.25	0%	-10%	-23%	-21%	14.00
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	37.00	0%	-5%	-10%	-10%	34.50
58k dwt	5 tuổi	30.50	0%	-8%	-16%	-10%	25.75
56k dwt	10 tuổi	22.00	0%	-7%	-20%	-17%	18.75
52k dwt	15 tuổi	14.25	0%	-7%	-11%	-8%	12.75
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	33.00	0%	-4%	-4%	-3%	28.75
37k dwt	5 tuổi	25.50	0%	-5%	-9%	-7%	22.75
32k dwt	10 tuổi	17.00	3%	-9%	-15%	-13%	15.00
28k dwt	15 tuổi	11.00	0%	-8%	-12%	-12%	9.50
Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/2025	1M	3M	6M	12M	
VLCC							
310k dwt	Resale	144.00	-2%	-3%	-1%	1%	112.50
310k dwt	5 tuổi	112.00	-1%	-3%	-3%	0%	85.50
250k dwt	10 tuổi	83.00	-1%	-2%	-2%	-1%	61.00
250k dwt	15 tuổi	53.00	0%	-2%	-9%	-7%	43.50
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	94.00	0%	-4%	-5%	-5%	77.75
150k dwt	5 tuổi	77.00	3%	-1%	-7%	-7%	60.00
150k dwt	10 tuổi	62.00	7%	0%	-9%	-8%	44.50
150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	-11%	-13%	-11%	28.75
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	75.00	-5%	-11%	-12%	-10%	64.75
110k dwt	5 tuổi	62.00	-3%	-9%	-13%	-14%	50.75
105k dwt	10 tuổi	50.00	-3%	-6%	-17%	-13%	37.75
105k dwt	15 tuổi	34.00	-3%	-9%	-18%	-13%	24.75
MR							
52k dwt	Resale	51.00	0%	-6%	-11%	-5%	44.25
52k dwt	5 tuổi	41.00	0%	-7%	-18%	-10%	35.25
45k dwt	10 tuổi	31.00	0%	-9%	-23%	-17%	25.50
45k dwt	15 tuổi	22.50	5%	-2%	-21%	-15%	17.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
VLEC	100,000 cbm	160.00	2	Mitsui OSK	Samsung	Feb 2028	Price per unit, ethane dual fuel propulsion
Tanker	320,000 dwt	127.00	2+1	Hanwha Ocean	Capital Group	2027	Price per unit
Bulker	39,000 dwt	35.375	2	Naikai	Wisdom Marine	-	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
		03/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)		74.0	0.00%	-2.63%	-3.27%	9.23%
Panamax (77.000 dwt)		37.0	0.00%	-0.67%	-1.33%	1.37%
Supramax (61.000 dwt)		34.5	0.00%	-0.72%	-1.43%	2.22%
Handysize (37.000 dwt)		30.5	0.00%	-11.59%	-11.59%	-10.29%
Giá trị tàu dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
		03/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)		125.5	-0.79%	-2.71%	-2.71%	-2.33%
Suezmax (170.000 dwt)		88.0	-0.56%	-2.22%	-2.22%	2.33%
A.max (115.000 dwt)		74.5	-0.67%	-0.67%	-0.67%	7.19%
MR (56.000 dwt)		51.0	-1.92%	-1.92%	-1.92%	6.25%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

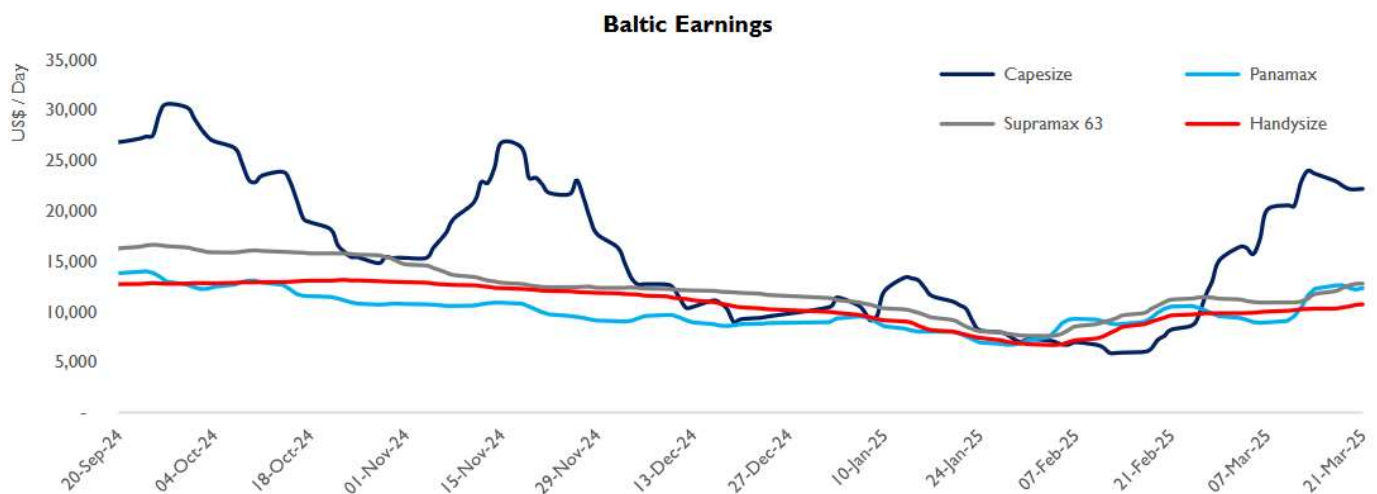
Thị trường phân khúc **Supramax** tiếp tục duy trì đà tăng trưởng của tuần trước, giao dịch ở Vịnh Châu Mỹ và Nam Đại Tây Dương tương đối cân bằng. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 12.787 đô la Mỹ, tăng 1.025 đô la Mỹ so với mức 11.752 đô la Mỹ của tuần trước. Bất chấp các khoản phí sắp tới và lo ngại về các cảng ghé thăm ở Hoa Kỳ, dường như có đủ chủ tàu sẵn lòng nhận các chuyến đến hoặc đi từ Vịnh Châu Mỹ. Khu vực Continent-Địa Trung Hải lại thiếu nguồn hàng mới, thị trường Đại Tây Dương nói chung cho thấy đà tăng chậm nhưng ổn định. Thị trường Thái Bình Dương tăng vào đầu tuần nhưng sau đó giảm dần. Hầu hết các hàng hoá ở Bắc Thái Bình Dương đều được thuê ở phía Bắc, mặc dù nhu cầu không còn nhiều như tuần trước. Ở phía Nam, nhiều tàu bị hủy hợp đồng và được thuê lại với giá thấp hơn cho các chuyến hàng vòng quanh Indonesia đến Thái Bình Dương, nhưng nhu cầu than đá đến Ấn Độ đủ mạnh để giữ cho cước các tuyến đường này ổn định.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 10.719 đô la Mỹ, tăng 421 đô la Mỹ so với mức 10.928 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường ở Đại Tây Dương vẫn yên ắng và hồi hộp, chờ đợi Mỹ xem xét lại các chính sách thương mại vào tuần này. Khu vực Continent và Địa Trung Hải vẫn ổn định, chậm nhưng có tích cực. Nhiều hoạt động vận tải ở Nam Đại Tây Dương, cước tăng theo bởi nhiều nhu cầu chở hàng mới. Thị trường Mỹ hạ nhiệt, bao trùm bởi sự không chắc chắn. Ở Đại Tây Dương, cước thuê định hạn vẫn ở mức 10.000 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương vẫn duy trì triển vọng tích cực, chủ yếu nhờ vào các lô hàng thép. Mặc dù danh sách tàu tăng lên ở Đông Nam Á và Bắc Thái Bình Dương, nhưng được duy trì mức cước nhờ vào nguồn hàng hoá dồi dào. Tàu **Ever Gallant** (28.206 dwt, đóng 2012) được HMM thuê khoảng một năm với cước khoảng 8.150 đô la Mỹ ở chuyến đầu tiên, sau đó khoảng 9.000 đô la Mỹ, giao tàu ở Kuching và trả tàu ở khu vực Penang-Nhật Bản.

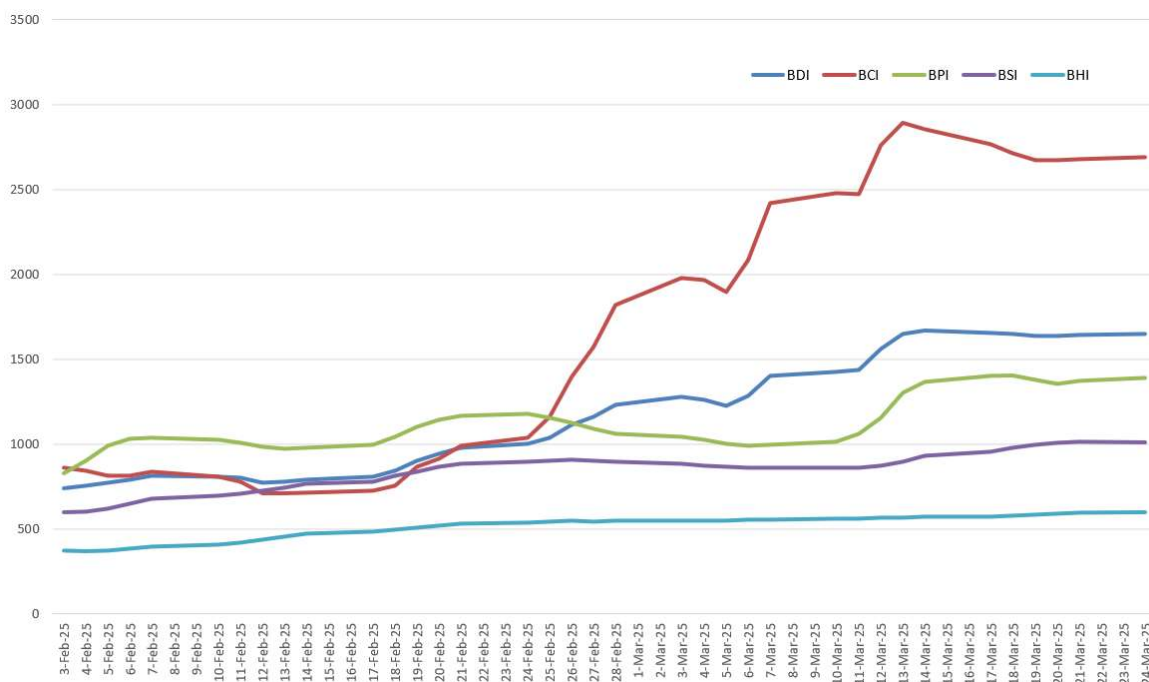
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 24/03/2025

	US\$/ngày	▲/▼	
SUPRAMAX	10,753	▲	1,035
HANDIES 38K	10,719	▲	421

(so sánh với giá trị ngày 17/03/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Giá dầu thô khép lại tuần qua với mức tăng đáng kể do những rủi ro địa chính trị gia tăng và các lệnh trừng phạt mới của Mỹ, báo hiệu nguồn cung toàn cầu sẽ thắt chặt hơn. Dù vẫn có những lo ngại về nhu cầu, đặc biệt là từ Trung Quốc, nhưng thị trường đang nghiêng về xu hướng tăng khi các nhà đầu tư định giá lại các rủi ro gián đoạn nguồn cung. Theo ghi nhận tuần trước, giá dầu thô WTI chốt phiên ở mức 68,28 đô la Mỹ/thùng, tăng 1,31 đô la Mỹ, tương đương tăng 1,96%.

Thị trường dầu thô bước vào tuần mới với xu hướng tăng giá, được hỗ trợ bởi các tín hiệu nguồn cung thắt chặt và rủi ro địa chính trị gia tăng. Lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Iran, xung đột ở Biển Đỏ và việc OPEC+ cắt giảm sản lượng tiếp tục là những yếu tố giữ giá dầu ở mức cao trong ngắn hạn. Tuy nhiên, động lực tăng giá vẫn chưa thực sự vững chắc. Áp lực nguồn cung từ Nga và Venezuela, cùng với nhu cầu không chắc chắn từ Trung Quốc, có thể kìm hãm đà tăng.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông trong tuần vừa qua đã chứng kiến sự hồi phục mạnh mẽ vào đầu tuần, khi khối lượng hàng hóa cuối tháng 3 có xu hướng tăng. Tuy nhiên, cước chi tăng nhẹ do số lượng tàu trong khu vực vẫn cao. Đơn cử, cước cho tuyến Trung Đông/Trung Quốc được ký kết ở mức WS 58. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Tây phi/Trung Quốc cũng tăng nhẹ, hiện đang ở mức WS 66. Tuy nhiên, theo dự báo rằng thị trường hiện đã đạt đỉnh và vào tuần sau sức ép giảm cước có thể theo xu hướng giảm trở lại.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	39,850	46,589	↑
	USG/Trung Quốc	36,739	43,446	↑

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax có nhiều biến động được diễn ra trong tuần qua. Tại thị trường Tây Phi, ghi nhận cước tăng mạnh lên mức WS 100, nhờ vào sự gia tăng các lô hàng từ CPC do sản lượng dầu mỏ Tengiz ở Kazakhstan. Tuy nhiên, vào cuối phiên, cước có sự điều chỉnh đáng kể, với cước trên tuyến Nigeria/UKC được ký kết ở mức WS 95 – giảm 5 điểm. Bên cạnh đó, khu vực Biển Đen và Địa Trung Hải, hiện đang thiếu hụt tàu và cước hiện ở mức WS 129.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	45,287	40,975	↓
Guyana / UKC	41,490	39,922	↓

Phân khúc tàu Aframax

Theo đánh giá, các giao dịch của tàu Aframax diễn ra khá tích cực trong tuần vừa qua. Đơn cử, tại thị trường Trung Đông, số lượng tàu có sẵn giảm do hiện đã chuyển hướng về phía Tây sau khi trải qua sự ám đạm của khu vực Đông Suez. Theo ghi nhận, các tuyến T/A cũng theo xu hướng tăng, với cước tuyến USG/UKC được ký ở mức WS 415 – tăng 12 điểm so với tuần trước, nhờ vào sự ổn định về hàng hóa trong khu vực.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	26,337	25,230	↓
Med / Med	26,217	33,386	↑
USG / Cont	30,591	35,548	↑
EC Mex / USG	23,538	29,226	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc tàu MR-Handy: Thị trường tàu MR đã trải qua một tuần với sự tăng trưởng khá mạnh mẽ trên hầu hết tất cả khu vực. Theo ghi nhận, số lượng tàu dư thừa đã được ký kết nhờ vào lượng hàng hóa ổn định, điều này giúp cước trên tuyến Cont/USAC tăng lên ở mức WS 180 – tăng 30 điểm so với tuần trước đó. Do tác động tích cực của phân khúc MR, thị trường tàu Hnady cũng diễn ra vô cùng sôi động với ghi nhận cước trên tuyến x-UKC tăng lên mức WS 210 vào cuối tuần và tuyến UKC/Med được chốt ở mức WS 190. Theo báo cáo, khu vực Địa Trung Hải yên ắng dần vào cuối tuần, với không có hợp đồng mới nào được ký kết và thị trường có dấu hiệu hạ nhiệt trong bối cảnh số lượng tàu trong khu vực vẫn khan hiếm. Tuy nhiên, cước mới nhất được ghi nhận hiện ở mức WS 280 và có dự đoán rằng sẽ tăng lên mức WS 285. Phân khúc tàu Handy cũng theo xu hướng khi cước tăng khoảng 80 điểm vào đầu tuần. Điều này cho thấy sự cải thiện rõ rệt của thị trường. Tuy nhiên, vào cuối tuần thị trường có dấu hiệu chững lại và các bên đang chờ đợi về sự thay đổi mới.

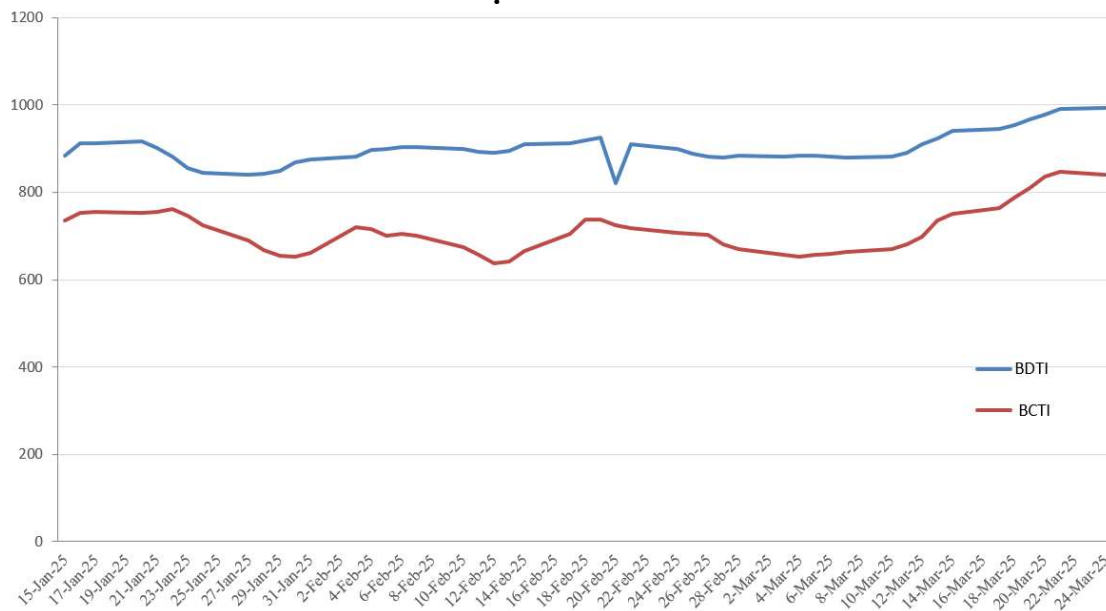
Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch đi khu vực Á tiếp tục xu hướng trầm lắng, do số lượng tàu dư thừa trong khu vực tiếp tục tăng cao và tới khu vực Đông Nam Á. Theo ghi nhận, số lượng này đã lên đến 45 tàu đối với cỡ tàu từ 8.000 dwt đến 26.000 dwt. Trong tuần qua, chỉ có các lô hàng lớn từ Hengyi từ Muara vào trung Trung Quốc với cước khoảng 23 – 25 đô la Mỹ/tấn. Bên cạnh đó, các giao dịch đi khu vực phía Nam

cũng không mấy tích cực, kể cả về tuyến Đông Nam Á và WCI/Trung Đông. Báo cáo chỉ ra rằng một số người thuê đã đưa ra các lô hàng cỡ 10.000 – 12.000 tấn MTBE nửa cuối tháng 4 từ bắc Trung Quốc đến Straits, nhưng hiện vẫn chưa được ký kết chính thức do sự chênh lệch về cước. Cùng với đó, thị trường dầu cò có vẻ đã quay lại điểm trước thời kỳ đại dịch covid, với các lô hàng 10.000 – 12.000 tấn đến ECI với mức cước từ 23 – 25 đô la Mỹ/tấn và các lô hàng cỡ 18.000 tấn được ký kết mức cước 27 – 29 đô la Mỹ/tấn đi WCI/Pakistan.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 12/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 11/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	49,000	47,500	45,000	48,000	47,500	47,000
SUEZMAX	34,500	35,000	34,000	34,500	35,000	34,000
AFRAMAX	31,000	29,000	27,500	31,500	29,500	28,500
LR-2	29,000	29,000	28,000	29,500	29,000	29,000
LR-1	23,500	22,500	22,000	23,500	22,500	22,000
MR	21,000	21,000	20,000	20,500	21,000	20,500
HANDY	18,000	16,500	16,000	18,000	17,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu			Tàu container		
		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲	
1	Pakistan	445	▲	10	470	▲	10	480	▲	10
2	Bangladesh	450	▲	10	470	▲	10	480	▲	10
3	India	440	▲	10	460	▲	10	470	▲	10
4	Turkey	280			290			300		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 12/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Em Unity	Tanker	1999	15,672	Bangladesh	-	106,131	
KG 7	Tanker	2000	2,649	India	630.00	3,849	Chemical tanker with some stainless steel content
Vertex	Tanker	1981	1,087	India	735.00	1,999	Chemical tanker with some stainless steel content
Sheng Tai	Bulker	1997	2,225	-	335.50	5,210	As is Shanghai

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*